TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHƠN THÀNH** **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **23**/2021/HNG-ST
Ngày: 11/11/2021
V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƠN THÀNH, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Mạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Xuân Đính
2. Bà Hồ Thị Xuân Thiều

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Vũ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành tham gia phiên toà:* Bà Nguyễn Thị Lệ Thu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 155/2021/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2021 về "*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1979; Địa chỉ cư trú: Tổ 3, phường N, thị xã A, tỉnh Gia Lai (Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng Phước L, sinh năm 1977; HKTT: Thôn Phú Kinh, xã Liên Trạch, huyện Bố Trạch, tỉnh Quảng Bình; Tạm trú: Ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 3 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà H và ông L kết hôn năm 1999, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai theo đúng quy định pháp luật. Trước khi chung sống cả hai còn độc thân, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng

khoảng 10 năm nay ông L đam mê cờ bạc, cầm cố tài sản. Bà H đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh L vẫn không thay đổi đãn đến mâu thuẫn vợ chồng. Từ năm 2017 cho đến nay vợ chồng đã sống ly thân, không còn qua lại, quan tâm, yêu thương nhau. Nay bà H nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Ông Hoàng Phước L.

Về con chung: Qúa trình chung sống bà H và ông L có 03 con chung tên Hoàng Thị Kiều T, sinh ngày 20/12/1999;, sinh ngày 28/10/2003 và Hoàng Thị Thu G, sinh ngày 29/6/2012. Do con Hoàng Thị Kiều T đã trưởng thành nên bà H yêu cầu được nuôi hai con chung tên Hoàng Anh Tr, sinh năm 2003 và Hoàng Thị Thu G, sinh năm 2012. Không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà H khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Hoàng Phước L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông L và bà H chung sống với nhau vào năm 1999 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2016 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên từ năm 2017 ông Long và bà H sống ly thân cho đến nay, không còn quan tâm, yêu thương nhau. Nay bà H yêu cầu ly hôn thì anh L đồng ý.

Về con chung: Qúa trình chung sống ông L và bà H có 03 con chung tên Hoàng Thị Kiều T, sinh ngày 20/12/1999; Hoàng Anh Tr, sinh ngày 28/10/2003 và Hoàng Thị Thu G, sinh ngày 29/6/2012. Hiện cháu T đã trưởng thành, có gia đình riêng; cháu Tr thuê trọ sống một mình để đi học ở Gia Lai; cháu G đang sống cùng với ông L. Ông L yêu cầu nuôi cháu G vì cháu G sống với ông L từ năm 2016 cho đến nay, đã ổn định việc học hành, còn bà H yêu cầu nuôi cháu Tr thì ông L đồng ý.

Về tài sản chung: Ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H có đơn xin vắng mặt và không cung cấp, bổ sung thêm chứng cứ tài liệu nào khác.

- Bị đơn: Ông Hoàng Phước L xin vắng mặt và không cung cấp chứng cứ tài liệu gì.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chơn Thành phát biểu ý kiến.

+ Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi, nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên toà. Tại phiên toà hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Việc tuân thủ pháp luật của những người tham gia tố tụng:

Đối với đương sự: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, Điều 71, 72 và Điều 234 BLTTDS;

+ Quan điểm về giải quyết vụ án:

Qua nghiên cứu hồ sơ, tài liệu xét thấy: Bà H và ông L chung sống với nhau vào năm 1999, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của bà H và ông L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống xét thấy bà H và ông L thường xuyên mâu thuẫn, sống ly thân đã lâu và không còn quan tâm, yêu thương nhau.

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào lời khai nguyên đơn và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án

Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử cho Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Ông Hoàng Phước L.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử giao con chung Hoàng Thị Thu G, sinh năm 2012 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng. Còn con chung Hoàng Thị Kiều T, sinh năm 1999; Hoàng Anh Tr, sinh năm 2003 đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét giải quyết.

Về án phí nguyên đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Theo nội dung đơn khởi kiện của nguyên đơn bà H và trong quá trình giải quyết vụ án thì Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án *"ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn"*; bị đơn ông L có nơi cư trú tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước nên căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

[1.2]. Về sự vắng mặt của các đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn Ông Hoàng Phước L vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung vụ án:

[2.1].Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và Ông Hoàng Phước L tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1999, có đăng ký kết hôn ngày 20/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã I, huyện C, tỉnh Gia Lai. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thì hôn nhân giữa bà H và ông L là hợp pháp. Trong quá trình chung sống thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng không còn quan tâm, yêu thương nhau.Từ đầu năm 2017 cho đến nay bà H và ông L đã sống ly thân, Tòa án cũng đã mở phiên hòa giải để động viên, thuyết phục vợ chồng đoàn tụ nhưng bà H và ông L không đồng ý và xin vắng mặt. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa bà H và ông L đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, ông L cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà H nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[2.2].Về con chung: Quá trình chung sống bà H và ông anh Lcó 03 con chung tên Hoàng Thị Kiều T, sinh ngày 20/12/1999; Hoàng Anh Tr, sinh ngày 28/10/2003 và Hoàng Thị Thu G, sinh ngày 29/6/2012. Hiện cháu T và cháu Tr đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Đối với cháu G bà H có yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu G, tuy nhiên từ năm 2017 cho đến nay cháu G trực tiếp chung sống với ông L tại ấp 2, xã M, huyện C, tỉnh Bình Phước, cháu G, có cuộc sống và việc học tập ổn định nên ông L yêu cầu đươc trực tiếp nuôi cháu G, yêu cầu của ông L được bà H đồng ý. Điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu G muốn được sống chung với ông L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận giữa bà H và ông L, giao con chung Hoàng Thị Thu G, sinh ngày 29/6/2012 cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3].Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4].Về tài sản chung: Bà H và ông L không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.5] Về nợ chung: Bà H và ông L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3]. Về ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát: Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H phải chịu là 300.000đồng.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147; 228; 266; 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 56, 81,82, 83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ các Điều 26 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án ngày 21/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận cho Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với Ông Hoàng Phước L.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Thu G, sinh ngày 29/6/2012 cho Ông Hoàng Phước L trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn.

2. *Về án phí hôn nhân sơ thẩm*: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số: 0004325 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã A, tỉnh Gia Lai.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã I, huyện C - Gia Lai
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Trần Quốc Mạnh